

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1970/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 14 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 249/TTr-SNN, ngày 11/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phạm Đình Cự

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**A. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Số TT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	
01	Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.
02	Kiểm tra Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản trong trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn.
03	Kiểm tra Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP.
04	Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên.

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật			
01	T-PYE-260156-TT	Cấp giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	- Theo Luật BV & KDTV Có hiệu lực từ 01/01/2015 - Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013.
02	T-PYE-260163-TT	Gia hạn giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	- Theo Luật BV& KDTV Có hiệu lực từ 01/01/2015 - Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013.
II. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản			
01	T-PYE-230822-TT	Công bố hợp quy đối với sản phẩm trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.	Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/08/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản.

C. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ/bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên.

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I. lĩnh vực Trồng trọt Bảo vệ thực vật			
01	T-PYE-260236-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề Buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật.	- Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008; - Thông tư số 85 /2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011. Văn bản hết hiệu lực.
02	T-PYE-260240-TT	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật.	- Quyết định số 97 /2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008; - Thông tư số 85 /2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011. Văn bản hết hiệu lực.
03	T-PYE-260243-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc Bảo vệ thực vật.	- Quyết định số 97 /2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008; - Thông tư số 85 /2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011. Văn bản hết hiệu lực.
04	T-PYE-260245-TT	Cấp lại giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất gia công sang chai, đóng gói thuốc Bảo vệ thực vật.	- Quyết định số 97 /2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008; - Thông tư số 85 /2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011. Văn bản hết hiệu lực.
05	T-PYE-260248-TT	Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	- Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007; - Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011. Văn bản hết hiệu lực.
06	T-PYE-230707-TT	Cấp lại chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	- Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007; - Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011. Văn bản hết hiệu lực.
07	T-PYE-260250-TT	Cấp thẻ xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	- Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007; - Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011. Văn bản hết hiệu lực .
08	T-PYE-230712-TT	Cấp lại thẻ xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	- Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007; - Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011.

			Văn bản hết hiệu lực
09	T-PYE-226922-TT	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	- Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007; - Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011. Văn bản hết hiệu lực.
10	T-PYE-226931-TT	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	- Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007; - Thông tư số 85/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2011. Văn bản hết hiệu lực.
II. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản			
01	T-PYE-260170-TT	Kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.	- Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 Văn bản hết hiệu lực.
02	T-PYE-260172-TT	Kiểm tra Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản.	- Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013. Văn bản hết hiệu lực.

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính ban hành mới

I. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản

1. Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản

+ Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Pháp Luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận, viết giấy biên nhận và hẹn ngày, giờ trả kết quả.

- Nếu hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ viết phiếu hướng dẫn để tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc làm lại hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

. Nộp giấy biên nhận.

. Nhận kết quả.

. Thời gian trả kết quả: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

+ Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên hoặc Qua đường bưu điện. Địa chỉ: 01A Lý Tự Trọng, Phường 7, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h đến 11h30, Chiều từ 13h30 đến 17h các ngày làm việc trong tuần.

+ Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên và các đối tượng do Cơ quan kiểm tra cấp Trung ương thực hiện): Bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở.

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh);

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh);

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên.

* Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 của Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên và các đối tượng do Cơ quan kiểm tra cấp Trung ương thực hiện).

+ Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở.

+ Phí, lệ phí:

* Mức phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000 đ/lần/cơ sở (Biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài Chính).

- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (Biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài Chính).

• Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đ/lần/cơ sở.

• Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \leq 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000đ/lần/cơ sở.

• Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \geq 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đ/lần/cơ sở.

* Lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000đ/lần cấp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/06/2012 của Bộ Tài chính).

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đ/ lần cấp (Biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính)

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm.

+ Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

- Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm./.

Phụ lục VI:
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày.....tháng.....năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):.....
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:
4. Điện thoạiFaxmail.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:
 Đề nghị(tên cơ quan kiểm tra)..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận
 đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
 Lý do cấp lại:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-
 -
 -
 ...

Phụ lục VII:
BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM
AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT
ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

BẢN THUYẾT MINH
Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):..... 3.
- Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
 - DN nhà nước DN 100% vốn nước ngoài
 - DN liên doanh với nước ngoài DN Cổ phần
 - DN tư nhân Khác
 (ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm : m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có Không

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: người.

+ Lao động gián tiếp: người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

- Thuê ngoài Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

2. Kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trong trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn

+ Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Pháp Luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận, viết giấy biên nhận và hẹn ngày, giờ trả kết quả.

- Nếu hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ viết phiếu hướng dẫn để tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc làm lại hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

. Nộp giấy biên nhận.

. Nhận kết quả.

. Thời gian trả kết quả: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

+ Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên hoặc Qua đường bưu điện. Địa chỉ: 01A Lý Tự Trọng, Phường 7, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h đến 11h30, Chiều từ 13h30 đến 17h các ngày làm việc trong tuần.

+ Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc Giấy chứng nhận kinh tế trang trại kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở;

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh);

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh);

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên.

* Cơ quan phối hợp thủ tục hành chính: Không.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

(Theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 của Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên và các đối tượng do Cơ quan kiểm tra cấp Trung ương thực hiện).

+ Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở.

+ Phí, lệ phí:

* Mức phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000 đ/lần/cơ sở (Biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài Chính)

- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (Biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài Chính)

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đ/lần/cơ sở

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \leq 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000đ/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu \geq 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đ/lần/cơ sở.

* Lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000đ/lần cấp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/06/2012 của Bộ Tài chính).

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đ/ lần cấp (Biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính)

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm.

+ Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

- Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm./.

Phụ lục VI:

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày.....tháng.....năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):.....
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:
4. Điện thoạiFaxmail.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:
 Đề nghị(tên cơ quan kiểm tra)..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận
 đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
 Lý do cấp lại:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-
 -
 -
 ...

**Phụ lục VII:
BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM
AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT
ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm ...

**BẢN THUYẾT MINH
Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở**

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):..... 3.
- Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
 - DN nhà nước DN 100% vốn nước ngoài
 - DN liên doanh với nước ngoài DN Cổ phần
 - DN tư nhân Khác

(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm : m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có Không

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: người.

+ Lao động gián tiếp: người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

- Thuê ngoài Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

3. Kiểm tra cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trong trường hợp Giấy chứng nhận ATTP bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP

+ Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận, viết giấy biên nhận và hẹn ngày, giờ trả kết quả.

- Nếu hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ viết phiếu hướng dẫn để tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc làm lại hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

. Nộp giấy biên nhận.

. Nhận kết quả.

. Thời gian trả kết quả: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

+ Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên hoặc Qua đường bưu điện. Địa chỉ: 01A Lý Tự Trọng, Phường 7, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h đến 11h30, Chiều từ 13h30 đến 17h các ngày làm việc trong tuần.

+ Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên.

* Cơ quan phối hợp thủ tục hành chính: Không.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 của Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên và các đối tượng do Cơ quan kiểm tra cấp Trung ương thực hiện).

+ Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP.

+ Phí, lệ phí:

* Mức phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000 đ/lần/cơ sở (Biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

* Lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000đ/lần cấp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/06/2012 của Bộ Tài chính).

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đ/ lần cấp (Biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thời hạn hiệu lực của kết quả: Trùng với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp trước đó.

+ Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

- Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm./.

Phụ lục VI:
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày.....tháng.....năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):.....
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:
4. Điện thoạiFaxmail.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:
 Đề nghị(tên cơ quan kiểm tra)..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận
 đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
 Lý do cấp lại:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-
 -
 -
 ...

4. Cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

+ Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận, viết giấy biên nhận và hẹn ngày, giờ trả kết quả.

- Nếu hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ viết phiếu hướng dẫn để tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc làm lại hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

. Nộp giấy biên nhận.

. Nhận kết quả.

. Thời gian trả kết quả: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

+ Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên hoặc Qua đường bưu điện. Địa chỉ: 01A Lý Tự Trọng, Phường 7, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h các ngày làm việc trong tuần.

+ Thành phần, số lượng hồ sơ gồm:

* Thành phần hồ sơ:

• Đối với tổ chức:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm;

- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

• Đối với cá nhân:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm;

- Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) Cơ quan kiểm tra có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên.

* Cơ quan phối hợp thủ tục hành chính: Không.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

+ Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm;

- Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức.

+ Phí, lệ phí:

- Phí, lệ phí cấp giấy xác nhận kiến thức: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

- Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm kể từ ngày cấp.

+ Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

+ Căn cứ pháp lý của TTHC: thủ tục hành chính:

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT- BCT- BNNPTNT ngày 9/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm./.

Mẫu số 01a - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (*cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP*)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số....., cấp
ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do
..... (*) ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy
định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận
kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của
.....(*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: * chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn; Bộ Công Thương.

B. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**I. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật****1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

+ Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Bảo vệ thực vật Phú Yên. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận, viết giấy biên nhận và hẹn ngày, giờ trả kết quả.

- Nếu hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ viết phiếu hướng dẫn để tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc làm lại hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

. Nộp giấy biên nhận.

. Nhận kết quả.

. Thời gian trả kết quả: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

+ Cách thức thực hiện thủ tục hành chính Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục BVTV Phú Yên hoặc Qua đường bưu điện. Địa chỉ: 48A Nguyễn Tất Thành, Phường 2, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h đến 11h30, Chiều từ 13h30 đến 17h các ngày làm việc trong tuần.

+ Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu).

- Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của chủ cơ sở bản sao chụp (mang theo bản gốc để đối chiếu).

- Giấy huấn luyện chuyên môn thuốc BVTV bản sao chụp.

- Tờ khai về điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

• Đối với cơ sở buôn bán có nơi chứa thuốc từ 5000 kg trở lên:

Phải có một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung, quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường chi tiết, giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận hoặc thông báo chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường.

• Đối với cơ sở buôn bán có nơi chứa thuốc BVTV dưới 5000 kg.

Cần phải có một trong các loại giấy tờ sau: giấy xác nhận hoặc thông báo chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn

môi trường, giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ Thời gian giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ của hồ sơ: ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Thời hạn thành lập đoàn đánh giá và thực hiện đánh giá: 07 ngày làm việc.

- Thời gian thông báo cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày.

- Thời hạn cấp giấy: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá hoặc 03 ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục BVTV.

* Cơ quan phối hợp thủ tục hành chính: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc BVTV (Có thời hạn 05 (năm) năm)

+ *Phí, lệ phí*: Thẩm định.

- Cửa hàng: 500 000đ.

- Đại lý: 1 000 000đ.

(Theo Thông tư số: 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV)

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

(Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013)

- Mẫu tờ khai điều kiện buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật

(Phụ lục III Ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013)

+ Yêu cầu, điều kiện:

* Điều kiện chung:

- Các loại thuốc bảo vệ thực vật buôn bán tại cửa hàng ở dạng thành phẩm có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép, hạn chế sử dụng ở Việt Nam.

- Không được bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng tiêu dùng khác.

- Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không được đặt trong các khu vực kinh doanh hàng hóa thực phẩm, các khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.

* Điều kiện cụ thể: Nhân sự, địa điểm, Trang thiết bị và các yêu cầu liên quan, Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng

(Theo điều 10 và điều 11 Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013 Quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV.)

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013.

- Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật

- Thông tư số 03/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013 Quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV.

Phụ lục I. MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 2 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... Email:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... Email:

Đề nghị Quý cơ quan

<input type="checkbox"/> Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện	<input type="checkbox"/> Sản xuất <input type="checkbox"/> Buôn bán
<input type="checkbox"/> Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện	<input type="checkbox"/> Sản xuất <input type="checkbox"/> Buôn bán
<input type="checkbox"/> Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện	<input type="checkbox"/> Sản xuất <input type="checkbox"/> Buôn bán
Lý do: <input type="checkbox"/> Mất/thất lạc <input type="checkbox"/> Hư hỏng <input type="checkbox"/> Sai sót <input type="checkbox"/> Thay đổi	

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Xác nhận của chính quyền địa phương:

Đại diện cơ sở

.....
.....
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ghi rõ đồng ý hay không đồng ý)

- Địa điểm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

.....
.....

- Địa điểm kho thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật (nằm ngoài khu công nghiệp):

.....
.....

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục III. MẪU TỜ KHAI ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 2 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục bảo vệ thực vật tỉnh

I- THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

3. Loại hình kinh doanh

DN nhà nước

DN 100% vốn nước ngoài

DN liên doanh với nước ngoài

DN Cổ phần

DN tư nhân

Khác

(ghi rõ loại hình)

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh:

6. Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV, số Giấy Chứng chỉ hành nghề, ngày

cấp, cơ quan cấp, người được cấp:

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

- Diện tích cửa hàng: m²

- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc Tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

- Nhân lực: số lượng, trình độ chuyên môn

- Những thông tin khác:

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên - đóng dấu nếu có)

I. Phí thẩm định phục vụ cấp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về thuốc BVTV

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức thu (1.000 đồng)
1	Thẩm định phục vụ cấp giấy phép khảo nghiệm	Lần	6.000

	thuốc BVTV diện hẹp và diện rộng (1 đối tượng dịch hại/cây trồng, 1 dạng thuốc thành phẩm, 1 mức hàm lượng).		
	Đối tượng dịch hại thứ 2, đối tượng cây trồng thứ 2, dạng thuốc thành phẩm thứ 2, mức hàm lượng thứ 2 trở đi trong một giấy phép khảo nghiệm.	Lần	500/1 đối tượng dịch hại, cây trồng, dạng thuốc thành phẩm, mức hàm lượng
2	Thẩm định phục vụ cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc BVTV diện rộng (1 đối tượng dịch hại/cây trồng, 1 dạng thuốc thành phẩm, 1 mức hàm lượng).	Lần	3.500
	Đối tượng dịch hại thứ 2, đối tượng cây trồng thứ 2, dạng thuốc thành phẩm thứ 2, mức hàm lượng thứ 2 trở đi trong một giấy phép khảo nghiệm.	Lần	200/1 đối tượng dịch hại, cây trồng, dạng thuốc thành phẩm, mức hàm lượng
3	Thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận đăng ký chính thức thuốc BVTV.	Lần	9.000
4	Thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung thuốc BVTV.	Lần	2.500
5	Thẩm định phục vụ cấp gia hạn giấy chứng nhận đăng ký thuốc BVTV.	Lần	2.500
6	Thẩm định hồ sơ thay đổi nhà sản xuất.	Lần	1.500
7	Thẩm định nội dung quảng cáo thuốc BVTV (Hồ sơ).	Lần	600
8	Thẩm định điều kiện sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc BVTV (mỗi lần thẩm định)		
8.1	Sản xuất thuốc BVTV.	Lần	6.000
8.2	Gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV.	Lần	4.000
8.3	Buôn bán thuốc BVTV		
	a. Cửa hàng	Lần	500
	b. Đại lý	Lần	1.000
9	Thẩm định, đánh giá để chỉ định tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc BVTV.		
9.1	Thẩm định, đánh giá lần đầu.	Lần	2.000
9.2	Thẩm định, đánh giá lại.	Lần	1.000
9.3	Thẩm định, đánh giá mở rộng.	Lần	1.000
10	Thẩm định hồ sơ, đánh giá thực tế để đăng ký và	Lần	15.000

	Chỉ định Tổ chức chứng nhận hợp quy về thuốc BVTV.		
11	Thẩm định hồ sơ, đánh giá thực tế để đăng ký lại Tổ chức chứng nhận hợp quy về thuốc BVTV.	Lần	6.500
12	Thẩm định hồ sơ, đánh giá thực tế để đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động chứng nhận hợp quy về thuốc BVTV đối với tổ chức chứng nhận đã được chỉ định.	Lần	6.500
13	Thẩm định hồ sơ đăng ký công bố hợp quy về thuốc BVTV.	Lần	600
14	Đánh giá, chỉ định phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng, dư lượng thuốc BVTV.		
14.1	Thẩm định, đánh giá lần đầu.	Lần	15.000
14.2	Thẩm định, đánh giá lại.	Lần	6.000
14.3	Thẩm định, đánh giá mở rộng.	Lần	6.000
14.4	Thẩm định, đánh giá giám sát (định kỳ).	Lần	4.000
15	Thẩm định cấp giấy phép nhập khẩu thuốc BVTV.	Lần	1.000

2. Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

1- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Bảo vệ thực vật Phú Yên. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận, viết giấy biên nhận và hẹn ngày, giờ trả kết quả.

- Nếu hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ viết phiếu hướng dẫn để tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc làm lại hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

. Nộp giấy biên nhận.

. Nhận kết quả.

. Thời gian trả kết quả: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

+ Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục BVTV Phú Yên hoặc Qua đường bưu điện. Địa chỉ: 48A Nguyễn Tất Thành, Phường 2, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h đến 11h30, Chiều từ 13h30 đến 17h các ngày làm việc trong tuần.

+ Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp (bản sao chụp).

- Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của chủ cơ sở (bản sao chụp).

- Giấy huấn luyện chuyên môn thuốc BVTV (bản sao chụp).

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp (bản sao chụp).

- Tờ khai về điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

- Bản sao chứng thực Biểu mẫu hoặc Biên bản kiểm tra, đánh giá phân loại điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ Thời gian giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ của hồ sơ: ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Thời hạn thành lập đoàn đánh giá và thực hiện đánh giá: 07 ngày làm việc.

- Thời gian thông báo cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày.

- Thời hạn cấp giấy: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá hoặc 03 ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV Phú Yên.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

* Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Thanh tra Chi cục BVTV.

* Cơ quan phối hợp thủ tục hành chính: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc BVTV (Có thời hạn 05 (năm) năm).

+ Phí, lệ phí: Thẩm định.

- Cửa hàng: 500 000đ.

- Đại lý: 1 000 000đ.

(Theo Thông tư số: 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực BVTV).

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

(Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013)

- Mẫu tờ khai điều kiện buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật.

(Phụ lục III Ban hành kèm theo Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013)

+ Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung:

- Các loại thuốc bảo vệ thực vật buôn bán tại cửa hàng ở dạng thành phẩm có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép, hạn chế sử dụng ở Việt Nam.

- Không được bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng tiêu dùng khác.

- Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không được đặt trong các khu vực kinh doanh hàng hóa thực phẩm, các khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.

* Điều kiện cụ thể: Nhân sự, Địa điểm, Trang thiết bị và các yêu cầu liên quan, Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng.

(Theo điều 10 và điều 11 Thông tư 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25/02/2013 Quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV.)

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 03/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư 14/2013/TT-BNNPTN ngày 25/02/2013 Quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV.

- Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

**Phụ lục I. MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 2 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh

1. Đơn vị chủ quản:

.....
Địa chỉ:

Tel: Fax: Email:

2. Tên cơ số:

Địa chỉ:

Tel: Fax: Email:

Đề nghị Quý cơ quan

<input type="checkbox"/> Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện	<input type="checkbox"/> Sản xuất <input type="checkbox"/> Buôn bán
<input type="checkbox"/> Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện	<input type="checkbox"/> Sản xuất <input type="checkbox"/> Buôn bán
<input type="checkbox"/> Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện	<input type="checkbox"/> Sản xuất <input type="checkbox"/> Buôn bán
Lý do: <input type="checkbox"/> Mất/thất lạc <input type="checkbox"/> Hư hỏng <input type="checkbox"/> Sai sót <input type="checkbox"/> Thay đổi	

Hồ sơ gửi kèm:

.....
.....
.....
.....

Chúng tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Xác nhận của chính quyền địa phương:

.....
.....

**Đại diện cơ sở
(Ký và ghi rõ họ tên)**

(Ghi rõ đồng ý hay không đồng ý)

- Địa điểm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

.....
.....

- Địa điểm kho thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật (nằm ngoài khu công nghiệp):

.....
.....

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục III. MẪU TỜ KHAI ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 2 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục bảo vệ thực vật tỉnh

I- THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

3. Loại hình kinh doanh

DN nhà nước

DN liên doanh với nước ngoài

DN tư nhân

DN 100% vốn nước ngoài

DN Cổ phần

Khác

(ghi rõ loại hình)

4. Năm bắt đầu hoạt động:

.....

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh:

.....

6. Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV, số Giấy Chứng chỉ hành nghề, ngày cấp, cơ quan cấp, người được cấp:

.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

- Diện tích cửa hàng: m²

- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc Tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

.....

- Nhân lực: số lượng, trình độ chuyên môn

- Những thông tin khác:

.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên - đóng dấu nếu có)

I. Phí thẩm định phục vụ cấp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về thuốc BVTV

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức thu (1.000 đồng)
1 2	Thẩm định phục vụ cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc BVTV diện hẹp và diện rộng (1 đối tượng dịch hại/cây trồng, 1 dạng thuốc thành phẩm, 1 mức hàm lượng).	Lần	6.000
	Đối tượng dịch hại thứ 2, đối tượng cây trồng thứ 2, dạng thuốc thành phẩm thứ 2, mức hàm lượng thứ 2 trở đi trong một giấy phép khảo nghiệm.	Lần	500/1 đối tượng dịch hại, cây trồng, dạng thuốc thành phẩm, mức hàm lượng.
	Thẩm định phục vụ cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc BVTV diện rộng (1 đối tượng dịch hại/cây trồng, 1 dạng thuốc thành phẩm, 1 mức hàm lượng).	Lần	3.500
	Đối tượng dịch hại thứ 2, đối tượng cây trồng thứ 2, dạng thuốc thành phẩm thứ 2, mức hàm lượng thứ 2 trở đi trong một giấy phép khảo nghiệm.	Lần	200/1 đối tượng dịch hại, cây trồng, dạng thuốc thành phẩm, mức hàm lượng.
3	Thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận đăng ký chính thức thuốc BVTV.	Lần	9.000
4	Thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung thuốc BVTV.	Lần	2.500
5	Thẩm định phục vụ cấp gia hạn giấy chứng nhận đăng ký thuốc BVTV.	Lần	2.500
6	Thẩm định hồ sơ thay đổi nhà sản xuất.	Lần	1.500
7	Thẩm định nội dung quảng cáo thuốc BVTV (Hồ sơ).	Lần	600
8	Thẩm định điều kiện sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc BVTV (mỗi lần thẩm định)		
8.1	Sản xuất thuốc BVTV	Lần	6.000
8.2	Gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV.	Lần	4.000
8.3	Buôn bán thuốc BVTV		
	a. Cửa hàng	Lần	500
	b. Đại lý	Lần	1.000
9	Thẩm định, đánh giá để chỉ định tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc BVTV.		
9.1	Thẩm định, đánh giá lần đầu.	Lần	2.000

9.2	Thẩm định, đánh giá lại.	Lần	1.000
9.3	Thẩm định, đánh giá mở rộng.	Lần	1.000
10	Thẩm định hồ sơ, đánh giá thực tế để đăng ký và chỉ định Tổ chức chứng nhận hợp quy về thuốc BVTV.	Lần	15.000
11	Thẩm định hồ sơ, đánh giá thực tế để đăng ký lại Tổ chức chứng nhận hợp quy về thuốc BVTV.	Lần	6.500
12	Thẩm định hồ sơ, đánh giá thực tế để đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động chứng nhận hợp quy về thuốc BVTV đối với tổ chức chứng nhận đã được chỉ định.	Lần	6.500
13	Thẩm định hồ sơ đăng ký công bố hợp quy về thuốc BVTV.	Lần	600
14	Đánh giá, chỉ định phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng, dư lượng thuốc BVTV.		
14.1	Thẩm định, đánh giá lần đầu.	Lần	15.000
14.2	Thẩm định, đánh giá lại.	Lần	6.000
14.3	Thẩm định, đánh giá mở rộng.	Lần	6.000
14.4	Thẩm định, đánh giá giám sát (định kỳ).	Lần	4.000
15	Thẩm định cấp giấy phép nhập khẩu thuốc BVTV.	Lần	1.000

II. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản

1. Công bố hợp quy về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

+ Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Pháp luật.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản Phú Yên. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận, viết giấy biên nhận và hẹn ngày, giờ trả kết quả.

- Nếu hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ viết phiếu hướng dẫn để tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc làm lại hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

. Nộp giấy biên nhận.

. Nhận kết quả.

. Thời gian trả kết quả: Sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h (trừ ngày Thứ 7, Chủ nhật, lễ, Tết).

+ Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên hoặc Qua đường bưu điện. Địa chỉ: 01A Lý Tự Trọng, Phường 7, TP Tuy Hòa, Phú Yên.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h đến 11h30, Chiều từ 13h30 đến 17h các ngày làm việc trong tuần.

+ Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

• Trường hợp 1: Hồ sơ công bố hợp quy đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy :

- Bản công bố hợp quy;

- Bản sao chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.

- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng).

• Trường hợp 2: Hồ sơ công bố hợp quy đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:

- Bản công bố hợp quy;

- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng);

- Kết quả thử nghiệm, hiệu chuẩn (nếu có) tại phòng thử nghiệm được chỉ định;

- Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng.

- Kế hoạch giám sát định kỳ;

- Báo cáo đánh giá hợp quy gồm những nội dung: đối tượng được chứng nhận hợp quy; (số hiệu, tên) tài liệu kỹ thuật sử dụng làm căn cứ để chứng nhận hợp quy; tên và địa chỉ của tổ chức thực hiện đánh giá hợp quy; phương thức đánh giá hợp quy được sử dụng; mô tả quá trình đánh giá hợp quy (lấy mẫu, đánh giá, thời gian đánh giá) và các lý giải cần thiết (ví dụ: lý do lựa chọn phương pháp/phương thức lấy mẫu/đánh giá); kết quả đánh giá (bao gồm cả độ lệch và mức chấp nhận); thông tin bổ sung khác.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ Thời gian giải quyết: Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phú Yên.

* Cơ quan phối hợp thủ tục hành chính: Không.

+ Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Công bố hợp quy (theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Kế hoạch kiểm soát chất lượng (theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy.

+ Phí, lệ phí:

* Mức phí:

Phí thẩm xét hồ sơ công bố phù hợp quy định ATTP đối với sản phẩm thường, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vật liệu bao gói và dụng cụ tiếp xúc trực tiếp thực phẩm là thực phẩm bao gói sẵn nhằm kinh doanh trên thị trường (theo Biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính):

- Công bố lần đầu: 500.000 đ/1 lần cấp/ 1 sản phẩm;

- Công bố lại: 300.000 đ/1 lần cấp/1 sản phẩm.

* Lệ phí:

Lệ phí cấp giấy xác nhận công bố phù hợp (theo Biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính):

- Cấp lần đầu: 150.000 đ/1 lần cấp/1 sản phẩm;

- Cấp lại (gia hạn): 150.000 đ /1 lần cấp/1 sản phẩm.

+ Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006.

+ Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 21/11/2007.

+ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010.

+ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

+ Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHHCN ngày 28/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ về việc ban hành Quy định chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy.

- Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí, quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm./.

Phụ lục 13**MẪU BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

Số

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail.....

CÔNG BỐ :

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*)

.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá hợp quy...*):

.....

.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 14**MẪU KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng năm

Đại diện doanh nghiệp

(ký tên, đóng dấu)